

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Gia

2. Ông Phạm Văn Trương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Kim V**, sinh năm 1994.

HKTT: Ấp 1, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Tổ 2, Ấp 4, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Lê Thanh S**, sinh năm 1995.

HKTT: Ấp 3, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Tổ 2, Ấp 4, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim V thể hiện:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị V và anh Lê Thanh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 31/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình anh S tại Tổ 2, Ấp 4, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh S không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và thường hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Ngoài ra, anh S còn

hay xúc phạm danh dự của chị. Mặc dù, vẫn đang sống chung nhà nhưng từ năm 2020 đến nay vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không có đời sống vợ chồng. Nay, tình cảm của chị đối với anh S không còn nên chị yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 02 (hai) con chung là Lê Hoàng Khả H, sinh ngày 06/7/2016 và Lê Hoàng Anh Q, sinh ngày 23/7/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Anh Q và đồng ý giao cháu Lê Hoàng Khả H cho anh S nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, ý kiến cũng như yêu cầu của bị đơn anh Lê Thanh S thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Kim V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 31/12/2014. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù, vẫn đang sống chung nhà nhưng từ năm 2020 đến nay vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không có đời sống vợ chồng. Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh và chị V có 02 con chung là Lê Hoàng Khả H, sinh ngày 06/7/2016 và Lê Hoàng Anh Q, sinh ngày 23/7/2018. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Khả H và đồng ý giao cháu Lê Hoàng Anh Q cho chị V nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị V đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn, bị đơn (bản sao); sổ hộ khẩu của nguyên đơn, bị đơn (Bản sao), giấy khai sinh của 02 con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu vắng mặt ngày 04/01/2022 của chị V. Bị đơn đã giao nộp: Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 28/12/2021 của anh S.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân; Biên bản lấy lời khai bị đơn. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị V được ly hôn anh S.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Lê Hoàng Anh Q, sinh ngày 23/7/2018 cho chị V nuôi dưỡng và giao con chung tên Lê Hoàng Khả H, sinh ngày 06/7/2016 cho anh S nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác

+ Nợ chung: Chị V, anh S trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị V, anh S vắng mặt nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh S có địa chỉ tại xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị V là nguyên đơn, anh S là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Chị V, anh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V, anh S là hợp pháp được Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2014. Chị V có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của chị V, anh S và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng

không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng luôn bất hòa. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh S và anh S đồng ý ly hôn với chị V.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc. Mặc dù, vẫn đang sống chung nhà nhưng từ năm 2020 đến nay vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không có đời sống vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định cả hai đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh, chị sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của chị V, cho chị được ly hôn với anh S là phù hợp với pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con chung:

Chị V và anh S có 02 con chung là Lê Hoàng Khả H, sinh ngày 06/7/2016 và Lê Hoàng Anh Q, sinh ngày 23/7/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Anh Q và đồng ý giao cháu Lê Hoàng Khả H cho anh S nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu này của chị V được anh S đồng ý chấp thuận.

Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Lê Hoàng Anh Q, sinh ngày 23/7/2018 cho chị V nuôi dưỡng và giao con chung tên Lê Hoàng Khả H, sinh ngày 06/7/2016 cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V, anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời chị V, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị V và anh S trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị V và anh S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Kim V được ly hôn với anh Lê Thanh S.

- Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng Anh Q, sinh ngày 23/7/2018 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Lê Hoàng Khả H, sinh ngày 06/7/2016 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002146 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND P. T1, TP. B, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 343/2014, ngày 31/12/2014);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại

